

TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT CỦA HUYỆN LẠC SƠN TỈNH HÒA BÌNH QUA ĐỊA BẠ MINH MỆNH

ĐÀM THỊ UYÊN*
BÙI THỊ THANH**

1. Khái quát về huyện Lạc Sơn

Lạc Sơn là một huyện nằm ở phía Nam tỉnh Hòa Bình, độ cao trung bình 300m so với mực nước biển, là vùng đất được khai phá từ lâu đời. Cách Thành phố Hòa Bình 56km, nằm trong tọa độ địa lý 20°21' - 20°37' vĩ Bắc và 105°21' - 105° kinh Đông. Phía Bắc giáp huyện Kim Bôi và huyện Cao Phong, phía Nam giáp huyện Thạch Thành (tỉnh Thanh Hóa), phía Đông giáp huyện Yên Thủy và phía Tây giáp huyện Tân Lạc (1). Huyện Lạc Sơn thời Lê thuộc đất động Lạc Thổ. Năm 1836 gọi là châu Lạc Yên, sau đổi là Yên Lạc. Tên gọi Lạc Sơn có từ năm 1887.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Huyện Yên Lạc ở cách phủ 57 dặm về phía Tây Bắc, Đông Tây cách nhau 103 dặm, Nam Bắc cách nhau 65 dặm, phía Tây đến địa giới châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hóa 52 dặm, phía Nam đến địa giới 2 huyện Cẩm Thủy và Quảng Địa tỉnh Thanh Hóa 25 dặm, phía Bắc đến địa giới huyện Thanh Thủy tỉnh Hưng Hóa 40 dặm" (2).

Theo sách *Đồng Khánh địa dư chí*, viết: "Huyện hạt phía Đông giáp huyện Phụng Hóa, phía Tây giáp châu Đà Bắc tỉnh Hưng

Hóa, phía Nam giáp hai huyện Cẩm Thủy, Quảng Tế tỉnh Thanh Hóa, phía Bắc giáp huyện Thanh Thủy tỉnh Hưng Hóa. Đông Tây cách nhau 103 dặm, Nam Bắc cách nhau 65 dặm" (3).

Lịch sử hành chính huyện Lạc Sơn gắn liền với lịch sử phát triển của vùng đất Ninh Bình, Hòa Bình và một số tỉnh phía Bắc cũng như những biến đổi của lịch sử dân tộc. Trong tiến trình lịch sử dân tộc, huyện Lạc Sơn đã nhiều lần thay đổi tên gọi và địa giới hành chính. Trải qua các triều đại phong kiến đầu tiên của Việt Nam từ Ngô, Đinh, Tiền Lê vẫn gọi là châu Trường Yên. "Đời Lý gọi là phủ Trường Yên, sau gọi lại là châu Đại Hoàng; đầu đời Trần là lộ Trường Yên, sau đổi thành trấn; năm Quang Thái thứ 10 (1398), đổi trấn Trường Yên thành trấn Thiên Quang. Thời thuộc Minh gọi là châu Trường Yên" (4).

Thời Lê, dưới triều Lê Thái Tông (1433 - 1442) chia làm hai phủ Trường Yên và Thiên Quan. Trong đó phủ Thiên Quan lãnh 3 huyện, có Lạc Thổ (Lạc Sơn ngày nay) lệ vào Thanh Hoa (tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Đời Hồng Đức (1470 - 1498), Lê Thánh Tông cho nhập hai phủ Trường Yên

* PGS.TS. Trường Đại học Thái Nguyên

** Trường Đại học Thái Nguyên

và Thiên Quan vào Sơn Nam thừa tuyên. Thời nhà Mạc, gọi hai phủ Trường Yên và Thiên Quan là Thanh Hoa ngoại trấn. Sau khi nhà Lê diệt nhà Mạc, lại đem hai phủ này lệ vào Thanh Hoa gọi là ngoại trấn.

Đầu thời Gia Long vẫn theo như thời Lê. Năm Gia Long thứ 5 (1806), đổi Thanh Hoa ngoại trấn làm đạo Thanh Bình, vẫn lệ thuộc vào Thanh Hoa. Năm 1829 đổi làm trấn Ninh Bình. Trong cuộc cải cách hành chính các năm 1831 - 1832 dưới triều vua Minh Mệnh, trấn Ninh Bình đổi thành tỉnh Ninh Bình. Tỉnh Ninh Bình dưới triều Nguyễn có 2 phủ gồm 7 huyện. Phủ Yên Khánh gồm 4 huyện (Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn và Kim Sơn); Phủ Thiên Quan gồm 3 huyện (Phụng Hóa, Yên Hóa và Lạc Thổ). Lạc Thổ đến năm Minh Mạng thứ 17 (1836) đổi thành Lạc Yên, sau đổi làm Yên Lạc, ngày nay là huyện Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình (5).

Ghi chép về huyện Lạc Yên, sách *Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi tương tự như trên: “Nguyên là đất phủ Trường Yên; đời Lê Quang Thuận đặt làm huyện Lạc Thổ, do phủ kiêm nhiếp, họ Quách là thổ tù nối đời quản trị; bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế, năm Minh Mệnh thứ 17 đổi tên hiện nay, mới đặt lưu quan; năm Tự Đức thứ 9, bỏ tri huyện, do tri phủ kiêm nhiếp. Nay lãnh 4 tổng, 50 xã thôn” (6).

Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp lập ra các tỉnh mới trên cơ sở chia các tỉnh cũ. Ngày 22 tháng 6 năm 1886, theo Nghị định của Kinh lược Bắc Kỳ, tỉnh Mường được thành lập là tách phần đất có người Mường cư trú từ các tỉnh Hưng Hóa, Sơn Tây, Ninh Bình và Hà Nội. Tỉnh lỵ đặt tại thị trấn Chợ Bờ (thuộc châu Đà Bắc). Tỉnh Mường lúc đó có 4 phủ là: Vàng An, Lương Sơn, Chợ Bờ và Lạc Sơn. Phủ Lạc Sơn bao gồm phần lớn diện tích đất đai của các huyện Tân Lạc, Lạc Thủy và Yên Thủy

ngày nay, cũng là đơn vị hành chính lớn nhất của tỉnh Mường. Năm 1908, thực dân Pháp cắt chuyển một phần đất đai của phủ Lạc Sơn là Lạc Thủy cho tỉnh Hà Nam rồi đổi từ “phủ” thành “châu”. Châu Lạc Sơn lúc này gồm 4 tổng: Lạc Thành, Lạc Đạo, Lạc Nghiệp, Lạc Thiện với 52 xã.

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, huyện Lạc Sơn tiếp tục có một số thay đổi lớn về đơn vị hành chính. Sau năm 1945, Nhà nước Việt Nam quyết định xóa bỏ một số cấp trung gian như phủ, châu, tổng gọi chung là huyện, hợp nhất các xã nhỏ thành xã lớn. Châu Lạc Sơn đổi thành huyện Lạc Sơn, từ 50 xã thành 10 xã mới gồm: Cộng Hòa, Tự Do, Liên Cộng, Dân Tiến, Đại Đồng, Kiến Thiết, Đoàn Kết, Quyết Thắng, Toàn Thắng và Thạch Bi.

Ngày 15-10-1957, Thủ tướng Chính phủ ký Nghị định số 480/TTg, tách huyện Lạc Sơn thành hai huyện Lạc Sơn và Tân Lạc, đồng thời thị trấn Vụ Bản được thành lập, huyện Lạc Sơn lúc này gồm 28 xã, 1 thị trấn. Ngày 01-01-1991, xã Liên Hòa tách thành 2 xã mới: Bình Chân và Bình Càng. Đến ngày 27-3-1999, xã Đa Phúc chuyển giao về huyện Yên Thủy và như vậy Lạc Sơn có 29 đơn vị hành chính, gồm các xã: Quý Hòa, Miến Đồi, Mỹ Thành, Tuân Đạo, Văn Nghĩa, Văn Sơn, Tân Lập, Nhân Nghĩa, Thượng Cốc, Phú Lương, Phúc Tuy, Xuất Hóa, Yên Phú, Bình Hẻm, Chí Đạo, Chí Thiện, Bình Càng, Bình Chân, Định Cư, Hương Nhung, Liên Vũ, Ngọc Sơn, Tự Do, Vũ Lâm, Tân Mỹ, Ân Nghĩa, Yên Nghiệp, Ngọc Lâu và Thị trấn Vụ Bản (7).

Hiện nay, theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 803/NQ - UBTWQH14 ngày 17-12-2019 có hiệu lực từ ngày 01-01-2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình, huyện Lạc Sơn có 24 đơn vị hành chính, gồm 23 xã: Ân Nghĩa,

Chí Đạo, Bình Hẻm, Định Cư, Hương Nhung, Mỹ Thành, Miên Đồi, Ngọc Lâu, Ngọc Sơn, Nhân Nghĩa, Quý Hòa, Quyết Thắng, Tân Lập, Tân Mỹ, Thượng Cốc, Tự Do, Tuân Đạo, Văn Nghĩa, Văn Sơn, Vũ Bình, Xuất Hóa, Yên Nghiệp, Yên Phú và 1 thị trấn là Vụ Bản.

Về phân cấp hành chính, trong khoảng thời gian từ năm 1886 kể từ khi tỉnh Mường được thành lập đến năm 1975, Lạc Sơn là một huyện của tỉnh Hòa Bình, từ năm 1975 đến năm 1991, là một huyện của tỉnh Hà Sơn Bình và từ năm 1991 đến nay nằm trong địa giới hành chính tỉnh Hòa Bình (8).

2. Tình hình ruộng đất của huyện Lạc Sơn

Dưới thời nhà Nguyễn, cũng như các triều đại trước nhà Nguyễn đã ý thức được tầm quan trọng của việc lập địa bạ. Sau khi triều Nguyễn được thành lập, năm 1803, Gia Long đã sai lập địa bạ ở các trấn thuộc Bắc Hà. Năm 1804, Gia Long xuống chiếu: “Chiếu theo ruộng chiêm, ruộng mùa và ruộng chiêm mùa 2 vụ ở trong xã mà kê khai mẫu, xào, thước, tấc, ở xứ sở nào và bốn bên Đông Tây cước trú rõ ràng, làm sổ để nộp” (9).

Ruộng đất ở Lạc Sơn thuộc trấn Ninh Bình thời Nguyễn được lập địa bạ muộn hơn so với một số địa phương khác. “Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) lại nghị chuẩn

cho lập địa bạ ở ba trấn Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, các địa phương “không biết vì sao” đã có lệnh làm từ năm Gia Long thứ 3 (1804) mà “giữa chừng lại thôi”. Công việc được hoàn thành trong hai năm 1832 và 1834” (10). Tuy vậy theo như địa bạ của huyện Lạc Sơn (Lạc Yên) được lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I thì các địa bạ này được lập vào năm năm Minh Mệnh thứ 18 (1837). Việc lập địa bạ đã tạo điều kiện thuận lợi giúp chúng tôi có cơ sở để tìm hiểu về tình hình ruộng đất ở Lạc Sơn trong bài viết này.

Số địa bạ huyện Lạc Sơn có tất cả 50 địa bạ của 50 xã có niên đại Minh Mệnh thứ 18 (1837). Các địa bạ nói trên đều là bản chính, hiện đang lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I - Hà Nội. Trên cơ sở số liệu của 50 địa bạ, chúng tôi giới thiệu về tình hình ruộng đất của huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình như sau:

Các loại ruộng đất

Theo số liệu của địa bạ huyện Lạc Sơn năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), các loại ruộng đất được phân chia như sau:

Theo bảng 1, với 4 tổng, 50 xã có tổng diện tích ruộng đất là 4176.0.9.4. Điểm đáng lưu ý là ở Lạc Sơn đến năm 1837 không có đất lưu hoang, 100% diện tích đất là thực trưng. Đây là một điều khá hiếm thấy trong tình hình ruộng đất ở nước ta

Bảng 1: Thống kê diện tích công, tư điền thổ, thực trưng ở huyện Lạc Sơn

Đơn vị: Mẫu.sào.thước.tấc (m.s.th.t)

Tên tổng	Tổng diện tích ruộng đất	Đất điền		Đất thổ	
		Tư điền	Công điền	Công thổ	Tư thổ
Lạc Đạo	1193.0.10.4	858.2.12.9	176.1.12.5	0	158.6.0.0
Lạc Nghiệp	867.4.0.0	774.3.0.0	19.0.0.0	0	74.1.0.0
Lạc Thiện	1203.0.14.0	981.5.8.8	165.2.5.1	12.4.10	43.8.5.1
Lạc Thành	912.5.0.0	682.5.0.0	172.8.0.0	0	57.2.0.0
Tổng	4176.0.9.4	3296.6.6.7	533.2.2.6	12.4.10.0	333.7.5.1
Thực trưng	4176.0.9.4	3296.6.6.7	533.2.2.6	12.4.10.0	333.7.5.1
Tỷ lệ	100%	78,9%	12,8%	0,3%	8,0%

Nguồn: 50 địa bạ huyện Lạc Sơn năm Minh Mệnh thứ 18 (1837)

vào giữa thế kỷ XIX. Càng đặc biệt khi so với huyện miền núi cũng có nhiều người Mường sinh sống ở huyện Yên Lập (Phú Thọ) ở nửa đầu thế kỷ XIX có khá nhiều ruộng đất lưu hoang (hơn 363 mẫu, chiếm tới 60% diện tích tư điền của cả huyện) (11). Điều này cũng chứng minh một số chính sách về ruộng đất của nhà Nguyễn ở đầu thế kỷ XIX đã có tác dụng mạnh mẽ, đã khôi phục được ruộng đất hoang hóa ở huyện Lạc Sơn. Mặt khác cũng cho thấy sự ổn định về ruộng đất cũng như đời sống nhân dân ở đây.

Ở huyện Lạc Sơn đến năm 1837 tồn tại hai loại ruộng đất là điền và thổ với cả hai hình thức tư và công. Ruộng đất ở đây chủ yếu là đất điền, trong đó tư điền 3296.6.6.7 chiếm 78,9% tổng diện tích ruộng đất; công điền 533.2.2.67 chiếm 12,8% tổng diện tích ruộng đất. Đất thổ chiếm tỷ lệ không nhiều, cả tư thổ và công thổ chỉ chiếm 8,3%. Đặc biệt, chỉ có duy nhất tổng Lạc Thiện có diện tích đất công thổ là 12.4.107 chiếm 0,3% tổng diện tích ruộng đất.

Tư điền ở Lạc Sơn chiếm phần lớn tổng diện tích ruộng đất của huyện (78,9%). Sự phát triển của diện tích ruộng tư đã diễn ra mạnh mẽ, mặc dù nhà nước có chính sách cấm mua bán ruộng đất công nhưng cũng không hạn chế được nhiều. Từ sau khi lên ngôi được hai năm, vua Gia Long đã ban hành chính sách quân điền theo nguyên tắc phân chia ruộng đất cho quan lại và binh dân như thời Lê sơ có điều chỉnh về đối tượng, khẩu phần và thời hạn. Mục đích của chính sách này nhằm mục đích bảo vệ ruộng đất của nhà nước thông qua ruộng đất công của làng xã, phân phối theo hướng ưu đãi cho binh lính và quan lại. Tuy đã có những cố gắng nhưng do diện tích ruộng đất công làng xã

bị thu hẹp nên việc thực hiện chính sách quân điền không có nhiều tác dụng vào thời điểm đó. Ngoài ra, do đặc trưng thiết chế xã hội cổ truyền của người Mường ở Lạc Sơn đã tồn tại từ rất lâu đời, với hình thức sở hữu ruộng đất của chế độ nhà lang nên phần lớn ruộng đất thuộc sở hữu của nhà lang. Mặc dù nhà Nguyễn đã thực hiện chính sách lưu quan nhưng trên thực tế chính sách lưu quan cho đến giữa thế kỷ XIX nó cũng chưa có tác động nhiều đến tình hình ruộng đất của một số địa phương thuộc tỉnh Hòa Bình vào thời điểm đó, trong đó có huyện Lạc Sơn.

So sánh với tỷ lệ ruộng tư trên cả nước cùng thời điểm này như ở Hà Đông chiếm 82,90% (12) hay so với một số huyện miền núi phía Bắc như Vị Xuyên (Hà Giang) chiếm 99,73% (Minh Mệnh thứ 21) (13) thì tỷ lệ ruộng tư ở Lạc Sơn thấp hơn (chiếm 78,9%). Tình hình ruộng tư phát triển diễn ra hầu như trên khắp các địa phương trong nước. “Đến năm 1840 theo báo cáo của bộ Hộ: “Tổng diện tích ruộng đất trong cả nước là 4.063.892 mẫu, trong đó tổng diện tích ruộng thực canh là 3.396.584 mẫu. Tỷ lệ ruộng công, ruộng tư là: Ruộng tư: 2.816.221 mẫu, khoảng 80%; Ruộng công: 580.363 mẫu, khoảng 17%” (14).

Bảng 2: Chất lượng các loại ruộng đất

Đơn vị: Mẫu.sào.thước.tấc(m.s.th.t)

Loại ruộng đất	Diện tích (m.s.th.t)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích ruộng đất	4176.0.9.4	100%
1. Tư điền	3296.6.6.7	78,9%
+ Loại 1	45.4.0.0	1,1%
+ Loại 2	957.6.9.8	22,9%
+ Loại 3	2293.5.11.9	54,9%
2. Công điền	533.2.2.6	12,8%
+ Loại 1	77.9.0.0	1,8%
+ Loại 2	318.0.13.6	7,7%
+ Loại 3	137.2.4.0	3,2%

Nguồn: 50 địa bạ huyện Lạc Sơn năm Minh Mệnh thứ 18 (1837)

Về chất lượng ruộng đất

Theo số liệu bảng 2 cho thấy, chất lượng đất ruộng ở huyện Lạc Sơn có đầy đủ cả 3 loại đất. Đối với đất tư điền chiếm tỷ lệ cao nhất là đất loại 3 là 54,9% tổng diện tích ruộng đất (2293.5.11.9); loại 2 chiếm 22,9% tổng diện tích ruộng đất (957.6.9.8); đất loại 1 chiếm tỷ lệ rất thấp 1,1% tổng diện tích ruộng đất (45.4.0.0). Đối với đất công điền thì loại 2 và loại 3 cũng chiếm tỷ lệ cao hơn so với loại 1. Số liệu trên cho thấy chất lượng và thời vụ cấy của địa phương. Do đặc điểm về điều kiện địa lý, tự nhiên cũng như các yếu tố xã hội khác, đồng ruộng ở nông thôn không phải chỗ nào cũng giống nhau, thậm chí trong một tỉnh, một huyện, xã hay tổng thì tỷ lệ đất tốt, xấu cũng khác nhau. Lạc Sơn là một huyện miền núi vì vậy đất loại 2 và 3 chiếm đa số là điều dễ giải thích. Vì ở đây chủ yếu là đồi núi nên ruộng đất màu mỡ rất ít. So với một số các huyện miền núi khác như huyện Vị Xuyên (Hà Giang) thậm chí không có đất loại 1 và 2, chỉ có đất loại 3. Đất loại 2 và 3 là đất kém màu mỡ, canh tác khó, phụ thuộc nhiều vào thời tiết vì vậy năng suất không cao.

3. Sở hữu ruộng đất ở huyện Lạc Sơn

Sở hữu ruộng đất tư

Từ số liệu bảng 3, ta thấy điểm rất đặc biệt về sở hữu ruộng tư ở huyện Lạc Sơn là sở hữu chung của cả xã, không có sở hữu tư của cá nhân, dòng họ. Chính vì vậy cũng không thể phân chia theo sở hữu dòng họ hay bình quân thừa như nhiều địa phương miền núi khác. Nguyên nhân chính là do thời điểm lập địa bạ ở đây, chế độ lang đạo vẫn còn tồn tại, dù chính sách lưu quan của nhà Nguyễn đã được thực hiện từ thời vua Gia Long, sang thời vua Minh Mạng thì chính sách này càng được tăng cường

nhưng trên thực tế thì chế độ nhà Lang vẫn còn tồn tại cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thậm chí một số nơi cho đến những năm 50 của thế kỷ XX. “Triều đình chưa ban bố một luật lệ nào làm ảnh hưởng đến quyền hành chính hay tư pháp của các quan lang” theo tờ trình tấu số 481 ngày 20 tháng 1 năm 1904 của cơ quan Mật viện. Trong một văn bản khác, Cơ mật viện kết luận: “Những vấn đề này, nhà vua vẫn để cho các quan lang dựa vào lệ cổ của dân tộc ít người đó” (15). Điều này cho thấy, chế độ nhà Lang vẫn còn tồn tại ở Hòa Bình nói chung và huyện Lạc Sơn nói riêng. Vào thời điểm lập địa bạ Minh Mệnh thứ 18 (1837) chế độ nhà Lang vẫn còn tồn tại, vì vậy hình thức sở hữu ruộng đất theo chế độ nhà Lang cơ bản không thay đổi dù nhà Nguyễn đã tiến hành lập địa bạ nhưng không thể phân chia theo hình thức sở hữu theo từng hộ gia đình như nhiều địa phương khác trong cả nước. Và đây cũng là chính sách mềm dẻo của nhà Nguyễn đối với một số địa phương miền núi mà cư dân chủ yếu là người dân tộc thiểu số như huyện Lạc Sơn. Tránh những cuộc nổi dậy của một số quan Lang chống đối chính sách của nhà nước trung ương khi đụng chạm đến quyền lợi của họ. Vì vào khoảng thời gian này đã có một số cuộc nổi dậy chống lại nhà Nguyễn của họ Đinh ở Lạc Thổ (Lạc Sơn), họ Quách ở Thạch Bi nổ ra các năm 1832 và năm 1836, họ đã liên kết với các lang đạo ở miền Tây Thanh Hóa... làm cho cuộc đấu tranh lan tỏa ra nhiều vùng đến tận Quý Châu (Nghệ An), kéo dài cuộc khởi nghĩa đến năm 1838. Thêm lí do khiến cho việc phân chia ruộng đất theo dòng họ Lạc Sơn rất khó thực hiện vì phần lớn cư dân ở đây là họ Bùi. Ngoài dòng họ lang Đinh, Quách, Bạch, Hoàng.

Bảng 3: Quy mô sở hữu ruộng đất tư

Đơn vị: Mẫu.sào.thước.tấc (m.s.th.t)

STT	Tên tổng	Tên xã	Tổng diện tích ruộng đất	Tư điền			Tư thổ	
				Tổng tư điền	Loại 1	Loại 2		Loại 3
I	Tổng Lạc Đạo		1193.0.10.4	858.2.12.9	14.7.0.0	292.0.1.9	551.5.11.0	158.6.0.0
1		Tức Tranh	110.5.4.0	83.7.0.0	0	46.9.0.0	36.8.0.0	16.0.0.0
2		Vân Đức	49.7.0.0	30.4.0.0	0	8.2.0.0	22.2.0.0	4.0.0.0
3		Suất Hóa	59.2.0.0	34.1.0.0	0	3.8.0.0	30.3.0.0	12.0.0.0
4		Quý Hòa	71.5.0.0	56.5.0.0	0	21.3.0.0	35.2.0.0	9.0.0.0
5		Phú Hậu	65.3.0.0	57.3.0.0	0	21.0.0.0	36.3.0.0	8.0.0.0
6		Vân Lăng	87.6.0.0	69.6.0.0	0	35.9.0.0	33.7.0.0	10.0.0.0
7		Đình Cư	148.0.0.0	94.2.0.0	0	0	94.2.0.0	23.8.0.0
8		Hương Nghĩa	117.8.0.0	60.5.0.0	0	20.2.0.0	40.3.0.0	17.0.0.0
9		Thương Nhượng	98.8.11.3	75.0.8.3	0	32.4.10.0	42.5.13.3	15.0.0.0
10		An Điểm	97.1.0.0	77.1.0.0	0	30.7.0.0	46.4.0.0	10.0.0.0
11		Tuân Đạo	84.8.10.1	54.0.4.6	0	17.5.6.9	36.4.12.7	14.0.0.0
12		Sùng Nhân	82.7.0.0	70.7.0.0	0	20.0.0.0	50.7.0.0	7.0.0.0
13		Mỹ Thành	74.0.0.0	57.0.0.0	9.5.0.0	19.7.0.0	27.8.0.0	10.0.0.0
14		Bình Hiếm	45.9.0.0	38.1.0.0	5.2.0.0	14.3.0.0	18.6.0.0	2.8.0.0
II	Tổng Lạc Nghiệp		867.4.0.0	774.3.0.0	0	242.5.0.0	531.8.0.0	74.1.0.0
1		Phúc Tuy	61.2.0.0	54.2.0.0	0	20.5.0.0	33.7.0.0	7.0.0.0
2		Chỉ Thiện	62.2.0.0	56.2.0.0	0	10.0.0.0	46.2.0.0	6.0.0.0
3		Thanh Hối	124.0.0.0	116.0.0.0	0	55.0.0.0	61.0.0.0	8.0.0.0
4		Tích Cốc	53.4.0.0	50.4.0.0	0	25.0.0.0	25.4.0.0	3.0.0.0
5		Sơn Trang	47.5.0.0	42.5.0.0	0	0	42.5.0.0	5.0.0.0
6		Ngọc Minh	121.8.0.0	110.8.0.0	0	3.0.0.0	107.8.0.0	11.0.0.0
7		Từ Nè	68.4.0.0	62.4.0.0	0	17.0.0.0	45.4.0.0	6.0.0.0
8		Đông Lai	86.2.0.0	61.1.0.0	0	25.0.0.0	36.1.0.0	6.1.0.0
9		Quý Hậu	76.5.0.0	70.5.0.0	0	27.0.0.0	43.5.0.0	6.0.0.0
10		Thần Thương	87.9.0.0	77.9.0.0	0	31.0.0.0	46.9.0.0	10.0.0.0
11		Mẫu Đức	78.3.0.0	72.3.0.0	0	29.0.0.0	43.3.0.0	6.0.0.0
III	Tổng Lạc Thiện		1203.0.14.0	981.5.8.8	3.2.0.0	325.0.7.9	653.3.0.9	43.8.5.1
1	Lạc Thiện	Phú Lâm	63.4.0.0	46.1.0.0	0	0	46.1.0.0	2.2.0.0
2		Quý Mỹ	97.7.12.9	83.0.9.4	0	0	83.0.9.4	3.1.3.5
3		Do Nhân	92.0.3.2	77.8.10.3	0	77.8.10.3	0	3.5.6.3
4		Gia Mô	66.0.0.0	53.7.0.0	0	20.0.0.0	33.7.0.0	3.1.0.0
5		Tuân Lộ	109.6.8.6	96.0.6.3	0	96.0.6.3	0	1.5.7.3
6		Lỗ Sơn	78.5.0.0	60.9.0.0	0	15.1.0.0	45.8.0.0	3.4.0.0
7		Đình Giáo	125.1.6.3	105.8.6.3	0	105.8.6.3	0	3.3.0.0
8		Phú Vinh	87.8.5.6	72.5.2.1	0	0	72.5.2.1	3.0.0.0
9		Chỉ Đạo	102.6.0.0	87.3.0.0	0	0	87.3.0.0	3.1.0.0
10		An Lương	82.4.0.0	61.7.0.0	0	0	61.7.0.0	2.4.0.0
11		Mỹ Hòa	83.7.9.6	68.7.9.6	0	0	68.7.9.6	3.0.0.0
12		Phong Phú	126.2.12.8	97.6.9.8	0	0	97.6.9.8	5.1.3.0
13		Vu Bản	87.7.0.0	70.1.0.0	3.2.0.0	10.2.0.0	56.7.0.0	7.0.0.0
IV	Tổng Lạc Thành		912.5.0.0	682.5.0.0	27.5.0.0	98.1.0.0	556.9.0.0	57.2.0.0
1	Lạc Thành	Tức Mặc	35.1.0.0	24.7.0.0	6.6.0.0	1.3.0.0	16.8.0.0	2.5.0.0
2		Bình Càng	50.6.0.0	39.3.0.0	2.2.0.0	17.8.0.0	19.3.0.0	2.1.0.0
3		Hoài An	103.7.0.0	86.3.0.0	0	21.9.0.0	64.4.0.0	5.0.0.0
4		Tân Mỹ	58.8.0.0	41.9.0.0	3.5.0.0	13.5.0.0	24.9.0.0	4.5.0.0
5		Hiếu Nghĩa	70.7.0.0	50.2.0.0	0	9.2.0.0	41.0.0.0	5.0.0.0
6		Bình Chân	100.0.0.0	84.1.0.0	0	4.9.0.0	79.2.0.0	5.0.0.0
7		Hưng Nhượng	70.0.0.0	55.7.0.0	2.8.0.0	4.0.0.0	48.9.0.0	6.5.0.0
8		Ngọc Lâu	71.1.0.0	21.0.0.0	6.9.0.0	5.9.0.0	8.2.0.0	7.0.0.0
9		Vũ Nông	60.8.0.0	43.5.0.0	1.3.0.0	5.9.0.0	36.3.0.0	4.0.0.0
10		Vũ Lao	100.2.0.0	73.9.0.0	2.1.0.0	4.2.0.0	67.6.0.0	6.5.0.0
11		Đa Phúc	100.0.0.0	87.9.0.0	2.1.0.0	1.8.0.0	84.0.0.0	4.1.0.0
12		An Nghiệp	91.5.0.0	74.0.0.0	0	7.7.0.0	66.3.0.0	5.0.0.0
	Tổng cộng		4176.0.9.4	3296.6.6.7	45.4.0.0	957.6.9.8	2293.5.11.9	333.7.5.1

Nguồn: 50 địa bạ huyện Lạc Sơn năm Minh Mệnh thứ 18 (1837)

Theo số liệu bảng 3, tổng diện tích tư điền là 3296.6.6.7, chiếm 78,9% tổng diện tích ruộng đất của huyện. Trong đó tư điền được chia thành ba loại ruộng được ghi chi tiết ở 50 xã của 4 tổng huyện Lạc Sơn. Cụ thể như sau:

Tổng Lạc Đạo có diện tích đất tư lớn trong huyện với 858.2.12.9 tư điền, chiếm 71,9% tổng diện tích và 158.6.0.0 tư thổ chiếm 13,4% tổng diện tích ruộng đất của tổng, trong đó xã Định Cư là xã có diện tích tư điền và tư thổ cao nhất trong tổng. Đất tư điền loại 2 và loại 3 là chủ yếu, phân bố ở hầu hết các xã. Đất loại 3 là nhiều nhất với 551.5.11.0, loại 2 có 292.0.1.9, đất loại 1 rất ít, chỉ có 14.7.0.0 ở hai xã Mỹ Thành và Bình Hiểm.

Tổng Lạc Nghiệp có 774.3.0.0 tư điền chiếm 89,3 % và 74.1.0 tư thổ, chiếm 8,6% tổng diện tích đất của tổng. Thanh Hối là xã có diện tích tư điền lớn nhất trong tổng (124.0.0.0); xã Ngọc Minh có diện tích tư thổ lớn nhất trong tổng (11.0.0.0). Đối với tư điền ở tổng chỉ có đất loại 2 (242.5.0.0) và loại 3 (531.8.0.0) được phân bố hầu hết các xã của tổng, không có đất loại 1.

Tổng Lạc Thiện là tổng có diện tích tư điền lớn nhất trong huyện với 981.5.8.8 chiếm 81,5% và 43.8.5.1 tư thổ chiếm 3,6% tổng diện tích đất của tổng. Định Giáo là xã sở hữu diện tích tư điền lớn nhất tổng với 105.8.6.3; Vụ Bản có quy mô sở hữu tư thổ lớn nhất tổng với 7.0.0.0. Tư điền của tổng Lạc Thiện cũng như hai tổng trên chủ yếu là đất loại 2 (325.0.7.9) và 3 (653.3.0.9). Chỉ có duy nhất Vụ Bản có đất loại 1 (3.2.0.0).

Tổng Lạc Thành có diện tích đất tư ít nhất trong huyện. Tư điền 682.5.0.0, chiếm 74,8% và tư thổ 57.2.0.0, chiếm 6,3% tổng diện tích ruộng đất của tổng. Xã Đa Phúc có quy mô sở hữu tư điền lớn nhất tổng

(87.9.0.0), xã Ngọc Lâu có quy mô sở hữu tư thổ lớn nhất tổng (7.0.0.0). Đây là tổng có quy mô đất tư điền loại 1 lớn nhất huyện (27.5.0.0), xã có quy mô sở hữu cao nhất là Ngọc Lâu (6.9.0.0). Cũng như các tổng khác, tư điền ở Lạc Thành chủ yếu là đất loại 2 (98.1.0.0) và 3 (556.9.0.0).

Qua phân tích số liệu về quy mô sở hữu đất tư của huyện Lạc Sơn có thể thấy diện tích ruộng đất tư chiếm phần lớn diện tích đất của huyện, trong đó có cả tư điền và tư thổ. Tuy nhiên, tư điền vẫn chiếm diện tích lớn hơn rất nhiều. Tư thổ chiếm tỷ lệ rất thấp. Tư điền ở Lạc Sơn được phân bố không đồng đều giữa các tổng và các xã trong huyện, nhiều nhất là tổng Lạc Thiện, trong đó xã Định Giáo có quy mô sở hữu lớn nhất trong các xã của huyện. Trong khi đó, tổng Lạc Thành có quy mô sở hữu nhỏ nhất.

Về chất lượng tư điền, ở Lạc Sơn chủ yếu là đất loại 2 và loại 3. Được phân bố ở hầu hết các xã trong huyện. Ruộng đất ít màu mỡ, khó khăn trong việc canh tác, năng suất thấp. Diện tích loại 1 thì tổng Lạc Thành chiếm nhiều nhất (27.5.0.0), được phân bố ở 8/12 xã trong tổng. Còn lại được phân bố ở 1 số xã ở các tổng khác với diện tích rất ít.

Sở hữu ruộng đất công

Theo bảng 4, ở Lạc Sơn, tổng diện tích đất công gồm công điền và công thổ của huyện là hơn 545 mẫu, chiếm tỷ lệ 13,1% tổng diện tích đất đai toàn huyện. Trong đó công điền 533.2.2.6, chiếm 12,8%, được chia thành 3 loại; công thổ 12.4.10.0, chiếm 0,3%. Trong địa bạ thể hiện rất chi tiết công điền ở 50 xã thuộc 4 tổng của huyện Lạc Sơn.

Tổng Lạc Đạo chỉ có công điền mà không có công thổ với 176.1.12.5, chiếm 14,7% tổng diện tích ruộng đất của tổng, phân bố 13/14 xã có công điền, vì vậy, quy mô sở hữu rất

Bảng 4: Quy mô sở hữu ruộng đất công

Đơn vị : Mẫu.sào.thước.tấc (m.s.th.t)

TT	Tên tổng	Tên xã	Tổng diện tích ruộng đất	Công điền (m.s.th.t)			Công thổ	
				Tổng Công điền	Loại 1	Loại 2		Loại 3
I	Tổng Lạc Đạo		1193.0.10.4	176.1.12.5	0.0.0.0	131.7.8.5	44.4.4.0	0
1		Tức Tranh	110.5.4.0	10.8.4.0	0	10.0.0.0	0.8.4.0	0
2		Vân Đức	49.7.0.0	15.3.0.0	0	8.0.0.0	7.3.0.0	0
3		Suất Hóa	59.2.0.0	13.1.0.0	0	2.1.0.0	11.0.0.0	
4		Quý Hòa	71.5.0.0	6.0.0.0	0	6.0.0.0	0	0
5		Phú Hậu	65.3.0.0	0	0	0	0	0
6		Vân Lăng	87.6.0.0	8.0.0.0	0	8.0.0.0	0	0
7		Định Cư	148.0.0.0	30.0.0.0	0	30.0.0.0	0	0
8		Hướng Nghĩa	117.8.0.0	40.3.0.0	0	15.0.0.0	25.3.0.0	0
9		Thương Nhượng	98.8.11.3	8.8.3.0	0	8.8.3.0	0	0
10		An Điểm	97.1.0.0	10.0.0.0	0	10.0.0.0	0	0
11		Tuần Đạo	84.8.10.1	16.8.5.5	0	16.8.5.5	0	0
12		Sùng Nhân	82.7.0.0	5.0.0.0	0	5.0.0.0	0	0
13		Mỹ Thành	74.0.0.0	7.0.0.0	0	7.0.0.0	0	0
14		Bình Hiếm	45.9.0.0	5.0.0.0	0	5.0.0.0	0	0
II	Tổng Lạc Nghiệp		867.4.0.0	19.0.0.0	0	19.0.0.0	0	0
1		Phúc Tuy	61.2.0.0	0	0	0	0	0
2		Chỉ Thiện	62.2.0.0	0	0	0	0	0
3		Thanh Hối	124.0.0.0	0	0	0	0	0
4		Tích Cốc	53.4.0.0	0	0	0	0	0
5		Sơn Trang	47.5.0.0	0	0	0	0	0
6		Ngọc Minh	121.8.0.0	0	0	0	0	0
7		Từ Nê	68.4.0.0	0	0	0	0	0
8		Đông Lai	86.2.0.0	19.0.0.0	0	19.0.0.0	0	0
9		Quý Hậu	76.5.0.0	0	0	0	0	0
10		Thần Thương	87.9.0.0	0	0	0	0	0
11		Mẫu Đức	78.3.0.0	0	0	0	0	0
III	Tổng Lạc Thiện		1203.0.14.0	165.2.5.1	32.5.0.0	127.6.5.1	5.1.0.0	12.4.10
1		Phú Lâm	63.4.0.0	15.1.0.0	15.1.0.0	0	0	0
2		Quý Mỹ	97.7.12.9	10.6.0.0	0	10.6.0.0	0	1.0.0.0
3		Do Nhân	92.0.3.2	8.2.1.6	0	8.2.1.6	0	2.4.0.0
4		Gia Mô	66.0.0.0	9.2.0.0	0	9.2.0.0	0	0
5		Tuần Lộ	109.6.8.6	10.5.0.0	0	10.5.0.0	0	1.5.10.0
6		Lỗ Sơn	78.5.0.0	14.2.0.0	14.2.0.0	0	0	0
7		Định Giáo	125.1.6.3	15.0.0.0	0	15.0.0.0	0	1.0.0.0
8		Phú Vinh	87.8.5.6	10.3.3.5	0	10.3.3.5	0	2.0.0.0
9		Chỉ Đạo	102.6.0.0	12.2.0.0	0	12.2.0.0	0	0
10		An Lương	82.4.0.0	18.3.0.0	0	18.3.0.0	0	0
11		Mỹ Hòa	83.7.9.6	10.0.0.0	0	10.0.0.0	0	2.0.0.0
12		Phong Phú	126.2.12.8	21.0.0.0	0	21.0.0.0	0	2.5.0.0
13		Vụ Bán	87.7.0.0	10.6.0.0	3.2.0.0	2.3.0.0	5.1.0.0	0
IV	Tổng Lạc Thành		912.5.0.0	172.8.0.0	45.4.0.0	39.7.0.0	87.7.0.0	0
1		Tức Mặc	35.1.0.0	7.9.0.0	3.6.0.0	2.0.0.0	2.3.0.0	0
2		Bình Cảng	50.6.0.0	9.2.0.0	1.5.0.0	3.1.0.0	4.6.0.0	0
3		Hoài An	103.7.0.0	12.4.0.0	4.0.0.0	2.1.0.0	6.3.0.0	0
4		Tân Mỹ	58.8.0.0	12.4.0.0	3.1.0.0	4.6.0.0	4.7.0.0	0
5		Hiếu Nghĩa	70.7.0.0	15.5.0.0	3.0.0.0	1.9.0.0	10.6.0.0	0
6		Bình Chân	100.0.0.0	10.9.0.0	5.1.0.0	1.8.0.0	4.0.0.0	0
7		Hưng Nhượng	70.0.0.0	7.8.0.0	2.1.0.0	3.4.0.0	2.3.0.0	0
8		Ngọc Lâu	71.1.0.0	43.1.0.0	10.4.0.0	10.1.0.0	22.6.0.0	0
9		Vụ Nông	60.8.0.0	13.3.0.0	8.1.0.0	3.5.0.0	1.7.0.0	0
10		Vũ Lao	100.2.0.0	19.8.0.0	3.5.0.0	4.1.0.0	12.2.0.0	0
11		Đa Phúc	100.0.0.0	8.0.0.0	1.0.0.0	1.6.0.0	5.4.0.0	0
12		An Nghiệp	91.5.0.0	12.5.0.0	0	1.5.0.0	11.0.0.0	0
Tổng cộng			4176.0.9.4	533.2.2.6	77.9.0.0	318.0.13.6	137.2.4.0	12.4.10.0

thấp, xã Hướng Nghĩa có quy mô sở hữu cao nhất tổng (40.3.0.0). Nhìn chung quy mô sở hữu công điền rất thấp. Đối với chất lượng đất, không có loại 1, đại đa số là đất loại 2 (131.7.8.5), chiếm hơn 70% diện tích công điền và loại 3 (44.4.4.0).

Tổng Lạc Nghiệp cũng như Lạc Đạo, không có công thổ và quy mô sở hữu rất ít, chỉ có 19.0.0.0, được phân bố duy nhất ở xã Đông Lai, toàn bộ là đất loại 2.

Tổng Lạc Thiện, là tổng duy nhất trong huyện có cả công điền và công thổ. Công điền 165.2.5.1, chiếm 13,7%, phân bố trên tất cả các xã; xã Phong Phú có quy mô sở hữu lớn nhất (21.0.0.0); chủ yếu là đất loại 2 (127.6.5.1), loại 1 và 3 diện tích rất ít và phân bố ở một số xã nhất định. (Đất loại 1 (chiếm 32.5.0.0), phân bố 3/13 xã; loại 3 là 3 5.1.0.0 phân bố duy nhất ở xã Vụ Bản. Công thổ 12.4.10, chiếm 1,2% tổng diện tích ruộng đất của tổng, được phân bố 7/13 xã, quy mô sở hữu rất thấp, dao động từ 1 đến 2,5 mẫu.

Tổng Lạc Thành, cũng như 2 tổng trên chỉ có công điền và không có công thổ. Công điền 172.8.0.0, chiếm 18,9% tổng diện tích ruộng đất của tổng. Được phân bố trên tất cả các xã trong tổng, xã Ngọc Lâu có quy mô sở hữu cao nhất (43.1.0.0); được chia thành 3 loại, loại 3 có diện tích lớn nhất (87.7.0.0), loại 2 (39.7.0.0) và loại 1 (45.4.0.0).

Như vậy, diện tích đất công của huyện Lạc Sơn không lớn, chủ yếu là công điền,

được phân bố trên 4 tổng của huyện. Tuy nhiên sự phân bố công điền là không đồng đều giữa các tổng trong huyện, giữa các xã trong tổng. Có những tổng như Lạc Đạo có 176.1.12.5 nhưng ở tổng Lạc Nghiệp chỉ có 19.0.0.0. Chỉ duy nhất có tổng Lạc Thiện có công thổ nhưng quy mô sở hữu rất thấp (12.4.10).

Chất lượng công điền cũng được phân thành 3 loại. Nhưng chủ yếu ruộng đất hạng 2 (318.0.13.6/533.2.2.6), chiếm gần 60%. Còn đất loại 3 (137.2.4.0/533.2.2.6), chiếm gần 26%; loại 1 (77.9.0.0/533.2.2.6), chiếm khoảng 14%. Điều này chúng ta nhận thấy ngược lại với tư điền vì tư điền loại 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (2293.5.11.9/3296.6.6.7, chiếm gần 70% tư điền). Có thể thấy rằng, khá nhiều ruộng thuộc loại tương đối tốt đã được sử dụng với mục đích đất công của nhà nước. Tỷ lệ ruộng đất công, tư được biểu thị ở bảng 5.

Qua bảng 5 có thể thấy đất ruộng ở huyện Lạc Sơn chiếm đa số so với diện tích đất thổ. Đất ruộng (3802.8.9.3/4176.0.9.4) chiếm hơn 91% tổng diện tích đất đai của huyện; đất thổ chỉ có 345.2.0.1/4176.0.9.4, chiếm gần 9% tổng diện tích đất đai của huyện.

Số liệu trên cho thấy rõ xu hướng phát triển đất tư hữu ở huyện Lạc Sơn hồi nửa đầu thế kỷ XIX. Trong tổng số 3802.8.9.3 đất điền, thì tư điền đã chiếm tới 86,7% (3296.6.6.7), chỉ có 13,3% (533.2.2.6) công

Bảng 5 : Tỷ lệ diện tích ruộng đất công và tư ở Lạc Sơn

Đơn vị: Mẫu.sào.thước.tấc (m.s.th.t)

	Tổng diện tích ruộng	Ruộng		Tổng diện tích đất	Đất	
		Tư điền	Công điền		Tư thổ	Công thổ
Diện tích	3802.8.9.3	3296.6.6.7	533.2.2.6	345.2.0.1	333.7.5.1	12.4.10.0
Tỷ lệ %	100%	86,7%	13,3%	100%	96,7%	3,3%

Nguồn: 50 địa bạ huyện Lạc Sơn năm Minh Mệnh 18 (1837)

Bảng 6: Sở hữu ruộng đất của các chức dịch

Đơn vị : Mẫu.sào.thước.tấc(m.s.th.t)

Stt	Tên tổng	Tên xã	Lý trưởng		Sắc mục	
			Số lượng	Diện tích sở hữu	Số lượng	Diện tích sở hữu
1	Lạc Đạo	Túc Tranh	1	0	1	0
2		Văn Đức	1	0	1	0
3		Suất Hóa	1	0	1	0
4		Quý Hòa	1	0	1	0
5		Phú Hậu	1	0	1	0
6		Văn Lãng	1	0	1	0
7		Đình Cư	1	0	1	0
8		Hương Nghĩa	1	0	1	0
9		Thương Nhượng	1	0	1	0
10		An Điểm	1	0	1	0
11		Tuần Đạo	1	0	1	0
12		Sùng Nhân	1	0	1	0
13		Mỹ Thành	1	0	1	0
14		Bình Hiểm	1	0	1	0
15	Lạc Nghiệp	Phúc Tuy	1	0	1	0
16		Chỉ Thiện	1	0	1	0
17		Thanh Hối	1	0	1	0
18		Tích Cốc	1	0	1	0
19		Sơn Trang	1	0	1	0
20		Ngọc Minh	1	0	1	0
21		Tử Nê	1	0	1	0
22		Đông Lai	1	0	1	0
23		Quy Hậu	1	0	1	0
24		Thân Thương	1	0	1	0
25		Mẫu Đức	1	0	1	0
26	Lạc Thiện	Phú Lãm	1	0	1	0
27		Quy Mỹ	1	0	1	0
28		Do Nhân	1	0	1	0
29		Gia Mô	1	0	1	0
30		Tuần Lộ	1	0	1	0
31		Lỗ Sơn	1	0	1	0
32		Đình Giáo	1	0	1	0
33		Phú Vinh	1	0	1	0
34		Chí Đạo	1	0	1	0
35		An Lương	1	0	1	0
36		Mỹ Hòa	1	0	1	0
37		Phong Phú	1	0	1	0
38		Vụ Bản	1	0	1	0
39	Lạc Thành	Túc Mặc	1	0	1	0
40		Bình Càng	1	0	1	0
41		Hoài An	1	0	1	0
42		Tân Mỹ	1	0	1	0
43		Hiếu Nghĩa	1	0	1	0
44		Bình Chân	1	0	1	0
45		Hưng Nhượng	1	0	1	0
46		Ngọc Lâu	1	0	1	0
47		Vụ Nông	1	0	1	0
48		Vũ Lao	1	0	1	0
49		Đa Phúc	1	0	1	0
50	An Nghiệp	1	0	1	0	
Tổng cộng 4 tổng, 50 xã			50	0	50	0

Nguồn: 50 địa bạ huyện Lạc Sơn năm Minh Mệnh thứ 18 (1837)

96,7% (333.7.5.1/345.2.0.1), công thổ chỉ có 96,7% (333.7.5.1/345.2.0.1), công thổ chỉ có 3,3% (12.4.10.0/345.2.0.1). Điều này đã được lý giải, một phần là xu hướng tư hữu hóa ruộng đất phát triển trên cả nước. Một phần nữa do đặc trưng sở hữu đất đai của huyện Lạc Sơn từ các thế kỷ trước đó đều do các quan Lang cai quản, chủ yếu thuộc sở hữu của nhà Lang. Mặc dù nhà Nguyễn đã có nhiều chính sách nhằm hạn chế tình trạng tư hữu hóa này nhưng nó cũng không có nhiều tác dụng ở Lạc Sơn vào thời điểm đó.

Sở hữu ruộng đất của chức dịch

Mỗi một xã ở huyện Lạc Sơn cho đến năm 1837 cũng chỉ có một Lý trưởng và một sắc mục mà thôi. Qua địa bạ huyện Lạc Sơn vai trò của đội ngũ những người có chức quyền ở làng xã, gọi là chức sắc (gồm chức dịch và sắc mục) cũng được thể hiện. Chức dịch là bộ phận chức sắc quản lý làng xã nằm trong hệ thống tổ chức hành chính của nhà nước, được nhà nước công nhận như: Lý trưởng, xã trưởng... Sắc mục là những người được làng cử ra, đại diện cho cộng đồng nằm trong bộ máy tự quản của làng xã như hương mục, dịch mục. Ở cuối địa bạ theo quy định có phần ghi danh cùng điểm chỉ của những người có chức sắc chịu trách nhiệm lập địa bạ. Mỗi địa bạ thường có ít nhất hai chức sắc trong xã đứng danh kê khai, chịu trách nhiệm về lập địa bạ của xã mình, trong đó có một người thuộc hệ thống chức dịch của nhà nước là lý trưởng hoặc xã trưởng và một người thuộc sắc mục của làng xã, chủ yếu là hương mục. Trong 50 địa bạ của huyện Lạc Sơn có tới 100 chức dịch trong đó có 50 lý trưởng và 50 sắc dịch, có nghĩa là mỗi xã có 1 lý trưởng và 1 sắc dịch. Cụ thể việc sở hữu ruộng đất của các chức dịch ở huyện Lạc Sơn theo địa bạ năm 1837 thể hiện ở bảng 6.

Theo như bảng 6 thì các chức dịch dù đại diện của hệ thống quản lý nhà nước ở địa phương hay đại diện của làng xã thì cũng không có bất cứ sở hữu ruộng đất nào cả. Đây là một hiện tượng khá đặc biệt so với các vùng khác. Huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ cũng là một huyện miền núi có nhiều đặc điểm về địa hình và xã hội khá giống với huyện Lạc Sơn thì trong địa bạ năm Gia Long thứ 4 (1805) cũng có 10/44 chức sắc có ruộng đất tư (16), năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) tăng lên 19/26 (17). Hay ở huyện Vị Xuyên (Hà Giang) số chủ ruộng tư là chức sắc năm Gia Long thứ 4 là 41/47(18), năm Minh Mệnh thứ 21 là 35/46 (19).

Một huyện như Lạc Sơn với 50 xã, 100 chức sắc mà không có ai có tư hữu ruộng đất thì là một hiện tượng đặc biệt. Nguyên nhân chính là do đặc điểm thiết chế xã hội người Mường truyền thống ở huyện Lạc Sơn cho đến thời điểm nhà nước tiến hành lập địa bạ (năm Minh Mệnh thứ 18, 1837) thì chế độ lang đạo vẫn còn tồn tại. Ruộng đất phần lớn thuộc sở hữu của nhà Lang hay còn gọi là "ruộng lang" dù nhà nước có tiến hành việc đo đạc ruộng đất, lập địa bạ nhưng hình thức sở hữu về ruộng đất của nhà Lang trên thực tế vẫn còn tồn tại. Vì vậy những sắc mục, lý trưởng là những người được nhà nước, địa phương cử ra để quản lý ở mỗi xã thì cũng không có sở hữu ruộng đất nào cả. Hay nói cách khác các lý trưởng và sắc mục này cũng thường là các quan lang, họ có sở hữu ruộng đất theo chế độ nhà lang nên không thể hiện trong các địa bạ của huyện Lạc Sơn. Và cũng có thể những người này khi đảm nhận chức vụ vẫn chưa trở thành chủ sở hữu của gia đình vì chưa tách khỏi đại gia đình chung với bố mẹ, anh em. Theo phong tục của người Mường, đặc biệt là chế độ nhà lang trong xã hội truyền thống thì khi con trai

đã kết hôn dù có phân chia tài sản ruộng đất cho ra ở riêng nhưng vẫn không tách phần sở hữu được chia ra khỏi ruộng đất chung của gia đình. Thậm chí các lang đạo, lang thường còn không có ruộng đất riêng.

4. Nhận xét

Thứ nhất, ở Lạc Sơn qua số liệu địa bạ cho thấy, ruộng đất chủ yếu là ruộng đất tư, chiếm tỷ lệ 86,9% bao gồm cả tư điền và tư thổ. Trong đó tư điền chiếm tới 78,9%. Ruộng đất công chỉ chiếm 13,1%, trong đó phần lớn là công điền (12,8%). Hiện tượng này khá phổ biến ở cả đồng bằng và miền núi, như ở Hà Đông ruộng tư chiếm tới 82,90% (20) hoặc Vị Xuyên, Hà Giang chiếm 99,73% (theo địa bạ Minh Mệnh thứ 21) (21).

Thứ hai, ở huyện Lạc Sơn, diện tích ruộng đất tư hữu là chủ yếu nhưng không có chủ sở hữu theo dòng họ, chức sắc mà thuộc sở hữu của cả xã. Đây là một hiện tượng đặc biệt ở huyện Lạc Sơn.

Thứ ba, quy mô sở hữu ruộng đất của các xã vào thời điểm năm 1837 là không cao chủ yếu là sở hữu từ 50 đến 100 mẫu ở

mỗi xã. Cao nhất là 148.0.0.0 ở xã Định Cư của tổng Lạc Đạo bao gồm tất cả các ruộng đất công và tư. Xã Tức Mặc của tổng Lạc Thành có quy mô sở hữu thấp nhất là 35.1.0.0. Nguyên nhân là do Lạc Sơn là một huyện miền núi, địa hình dốc nên đất canh tác ít. Đó cũng là tình hình chung của các huyện miền núi.

Thứ tư, ở Lạc Sơn không có ruộng đất lưu hoang, 100% là ruộng đất thực trưng. Đây là một trong những điểm tích cực về tình hình ruộng đất của huyện Lạc Sơn đương thời.

Thứ năm, về chất lượng ruộng đất ở huyện Lạc Sơn có cả ba loại đất, tuy nhiên chủ yếu là đất loại 2 và 3. Giữa tư điền và công điền cũng có sự chênh lệch về loại đất, đối với tư điền chủ yếu là đất loại 3 chiếm gần 70% tổng diện tư điền. Với công điền chủ yếu là đất loại 2 chiếm gần 60% tổng diện tích đất công điền. Ở một huyện miền núi thì đất loại 2 và 3 chiếm tỷ lệ đa phần như vậy là một điều dễ hiểu. Do địa hình đồi núi chi phối, nên Lạc Sơn không có nhiều đất loại 1.

CHÚ THÍCH

(1), (7), (8). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lạc Sơn, *Lịch sử đảng bộ huyện Lạc Sơn (1929 - 2015)*, 2016, tr. 3.

(2), (4), (5), (6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 244, 238, 244, 244.

(3). Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 1039.

(9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập V, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 119.

(10), (14). Trương Hữu Quỳnh, Đỗ Bang (chủ biên), *Tình hình ruộng đất nông nghiệp và đời*

sống nông dân dưới triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 7, 234.

(11), (16), (17). Hoàng Thị Nguyệt, *Kinh tế, văn hóa huyện Yên Lập tỉnh Phú Thọ nửa đầu thế kỷ XIX*, luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2016, tr. 40, 36, 44.

(12), (20). Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo, *Địa bạ Hà Đông*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 24.

(13), (18), (19), (21). Hoàng Thu Hương, *Kinh tế, văn hóa huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang nửa đầu thế kỷ XIX*, luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2016, tr. 46, 40, 40, 46.

(15). Cao Sơn Hải, *Luật tục Mường*, Nxb. Hội nhà văn, 2010, tr. 78.